

Số: 574/2019/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 11 tháng 4 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 631/2019/TLST-VHNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

+ Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1991.

Tạm trú: Tổ 6A, khu phố 4, pH T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

+ Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1991.

Tạm trú: Tổ 6A, khu phố 4, pH T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Trần Quang T và bà Trần Thị H.

Giao con chung cháu Trần Quang Cao P, sinh ngày 22/11/2017 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Quang Cao P, sinh ngày 22/11/2017 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trần Quang T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của ông Trần Quang T và bà Trần Thị H.

Giao con chung cháu Trần Quang Cao P, sinh ngày 22/11/2017 cho bà Trần Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Quang T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đồng (Hai triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Quang Cao P, sinh ngày 22/11/2017 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Ông Trần Quang T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi dưỡng cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Quang T và bà Trần Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng định kỳ. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai số 0004565 ngày 03/4/2019 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được tính trừ vào lệ phí ông Trần Quang T và bà Trần Thị H đã nộp.

Kể từ ngày bà Trần Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Quang T chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã C, huyện K,
tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thị Kim Dung